TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/10/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Giáp Hồng Thanh

Thư ký Toà án bà Đoàn Thị Oanh - Cán bộ Tòa án ghi biên bản phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giáp Văn Th - sinh năm 1989 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh B;
2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1991 (có mặt)
Nơi KHHK: : thôn Ng, xã C, huyện T, B;
Nơi cư trú: khu Ng, thị trấn C, huyện T, B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: ông Nguyễn Đình H – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Đình H – Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Giáp Văn Th trình bày:

Anh kết hôn với chị H năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm về làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 3/2018, do mâu thuẫn trầm trọng, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì nhau. Nay anh xác định

tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là Giáp Nguyễn Bảo Ng – sinh ngày 03/11/2016. Hiện nay, con chung đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung mà không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Th giữ nguyên yêu cầu.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Th năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Khi con chung của anh chị được 3 tháng tuổi, anh Th đã viết đơn ly hôn chị nhưng gia đình hai bên khuyên nhủ nên anh chị lại hàn gắn. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn thường xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2018, anh chị mâu thuẫn không thể hoà giải được, anh Th đuổi chị về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng. Anh Th yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: chị và anh Th có 01 con chung là Giáp Nguyễn Bảo Ng – sinh ngày 03/11/2016. Hiện nay, con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cho chị 1.000.000đồng/tháng từ tháng 9/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 800.000đồng/tháng từ tháng 11/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H trình bày: Đề nghị HĐXX cho anh Th và chị H ly hôn theo quy định của pháp luật vì anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, đều đề nghị được ly hôn. Giao cháu Bảo Ng cho chị H nuôi do cháu chưa đủ 36 tháng tuổi và buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 800.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX cho anh Th và chị H ly hôn. Giao cháu Bảo Ng cho chị H nuôi, anh Th phải cấp dưỡng từ 300-500đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn chị H có nơi cư trú tại khu Ng, thị trấn C, huyện T. Toà án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành, đã đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Th và chị H kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, mặc dù được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng anh chị vẫn không hoà hợp được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 5/2018, chị Hạnh về nhà đẻ ở, anh chị ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì nhau. Nay cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh Th đề nghị ly hôn chị H cũng đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Th và chị H.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Giáp Nguyễn Bảo Ng – sinh ngày 03/11/2016. Khi ly hôn, anh chị đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Xét về điều kiện nuôi con thì anh chị đều có điều kiện như nhau nhưng hiện nay cháu còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự nuôi dưỡng chăm sóc của người mẹ, cháu Ngọc cũng đang ở cùng chị H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cho chị 800.000đồng/tháng. HĐXX thấy, hiện nay con chung của anh chị còn nhỏ, chưa phải chi phí cho việc học tập. Chị H đi làm công nhân có thu nhập đủ để nuôi con, chị cũng được gia đình phụ giúp chăm nom cháu. Còn anh Th làm ruộng không có mức thu nhập cố định. Do vậy, HĐXX buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 500.000đồng/tháng từ tháng 11/2018 đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu của cháu và khả năng cấp dưỡng của anh Th.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không thoả thuận được mức lãi suất nên HĐXX áp dụng mức lãi suất phát sinh quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: anh Th và chị H đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[7] Về án phí: anh Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Giáp Văn Th và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Giáp Nguyễn Bảo Ng - sinh ngày 03/11/2016. Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 500.000 đồng/tháng từ tháng 11/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Th không trả được số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất cho khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: anh Giáp Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002104 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Th còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký